

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

VỀ VIỆC TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW, NGÀY 03/11/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG BẮC TRUNG BỘ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Xem xét Báo cáo của Ban Chính sách, chiến lược Trung ương về việc sơ kết thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gọi tắt là Nghị quyết số 26-NQ/TW); ý kiến của các cơ quan, Bộ Chính trị kết luận:

Sau hơn 3 năm thực hiện Nghị quyết số 26- NQ/TW, nhận thức của các cấp, các ngành về vai trò và định hướng phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ từng bước được nâng cao. Các Bộ, ngành Trung ương và địa phương đã kịp thời ban hành chương trình hành động, lồng ghép được mục tiêu phát triển Vùng vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành và quy hoạch tỉnh; phân chia rõ các không gian phát triển, các trục và hành lang kinh tế, ưu tiên phát triển kinh tế biển. Kinh tế Vùng duy trì tăng trưởng khá, đạt mục tiêu đề ra; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ, khu vực nông, lâm, thủy sản tiếp tục giữ vai trò trụ đỡ. Thu ngân sách và GRDP bình quân đầu người được cải thiện; kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, cảng biển, sân bay được quan tâm đầu tư; đời sống Nhân dân từng bước nâng lên; các chỉ tiêu xã hội, môi trường, quốc phòng – an ninh, đối ngoại đạt nhiều kết quả quan trọng.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết còn nhiều hạn chế, công tác thể chế hóa Nghị quyết chưa kịp thời, thiếu đồng bộ; cơ chế đặc thù và điều phối vùng chưa được ban hành; công tác kiểm tra, giám sát còn bất cập. Tăng trưởng chưa bứt phá, chất lượng và năng suất lao động còn thấp; kinh tế biển, ngành mới phát triển chậm; doanh nghiệp quy mô nhỏ, sức cạnh tranh hạn chế. Chất lượng quy hoạch và kết cấu hạ tầng, nhất là liên kết Đông – Tây, hạ tầng số, năng lượng, ứng phó thiên tai chưa đáp ứng yêu cầu. Nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu; chênh lệch đời sống giữa các khu vực dân cư còn lớn; bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu còn nhiều thách thức; an ninh phi truyền thống tiềm ẩn rủi ro.

Trước yêu cầu phát triển mới của cả nước, trong bối cảnh điều chỉnh không gian phân vùng phát triển và địa giới hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết cần được rà soát, điều chỉnh toàn diện cả về tư

duy phát triển, thể chế, phương thức điều phối và phân bổ nguồn lực; tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tái cấu trúc không gian phát triển vùng, phát huy lợi thế so sánh để phát triển vùng, thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số, đóng góp vào sự phát triển chung của cả nước trong Kỷ nguyên mới..

Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp tiếp tục thực hiện quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 26- NQ/TW gắn với việc triển khai đồng bộ Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các chủ trương, định hướng tại các nghị quyết chiến lược của Đảng, tập trung một số nội dung trọng tâm sau:

1. Phân đầu đạt được các chỉ tiêu đến năm 2030 như sau:

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt khoảng 10,5% giai đoạn 2026 - 2030; đến năm 2030 GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 6.000 USD; tỷ trọng GRDP của khu vực dịch vụ đạt khoảng 36,8%, khu vực công nghiệp - xây dựng khoảng 47,7%, khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản khoảng 10,8%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp khoảng 5,7%¹; Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 30%; Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng là 55%; Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm là 8,5%²; Kinh tế số trong GRDP vùng đạt khoảng 30%³; Phân đầu tỉ lệ đô thị hóa đạt khoảng 47 - 48%; Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 95%⁴, trong đó 55% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức trung bình cả nước trở lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 75-85%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 35 - 40%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1 - 1,5%/năm, trong đó tỉ lệ trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm. Đạt 35 giường bệnh và 15 bác sĩ/vạn dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98% dân số.

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 56%⁵. 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt khoảng 95%⁶, trong đó tỷ lệ xử lý thông qua các mô hình kinh tế tuần hoàn đạt khoảng 40%; 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung⁷; 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để.

2. Điều chỉnh mô hình tăng trưởng nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế theo hướng phát triển mạnh kinh tế biển; từ tăng trưởng dựa vào khai thác tài nguyên, thâm dụng lao động tay nghề thấp sang tăng trưởng dựa trên năng suất, khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, mô hình phát triển mới, công nghệ số, đạt trình độ phát triển khá của cả nước nhất là dịch vụ logistics, du lịch biển, đảo; tiếp tục phát triển

¹ Dự thảo Điều chỉnh QH vùng Bắc Trung Bộ

² Nghị quyết 306/NQ-CP về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể Quốc gia.

³ Nghị quyết 306/NQ-CP về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể Quốc gia.

⁴ Nghị quyết 26-NQ/TW và Quy hoạch tổng thể quốc gia.

⁵ Dự thảo Điều chỉnh QH vùng Bắc Trung Bộ

⁶ Nghị quyết 306/NQ-CP về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể Quốc gia

⁷ Dự thảo điều chỉnh QH vùng Bắc Trung Bộ.

du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn tại các địa phương trong vùng; đầu tư phát triển các trung tâm logistic gắn với cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu. Tập trung phát triển công nghiệp dọc theo các hành lang kinh tế Bắc - Nam, hành lang kinh tế Đông - Tây gắn với các cảng biển trong đó, công nghiệp lọc, hóa dầu và sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế tập trung ở Thanh Hóa; sản xuất ô tô, và phụ trợ ở Nghệ An, Hà Tĩnh; luyện kim, cơ khí chế tạo, chế biến thép tập trung ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh; công nghiệp năng lượng ở Quảng Trị, công nghiệp dược liệu ở Hà Tĩnh, Huế; sản xuất vật liệu xây dựng ưu tiên ở Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Huế; công nghiệp dệt may, da giày tập trung ở Nghệ An, Huế... Phát triển nông nghiệp vùng theo hướng sinh thái, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; cơ cấu lại ngành nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

3. Sớm hoàn thiện và ban hành Quy hoạch vùng Bắc Trung bộ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm 5 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thành phố Huế để phù hợp với Quy hoạch quốc gia và các chủ trương, định hướng của Trung ương về phân chia vùng. Điều chỉnh mục tiêu và tổ chức không gian vùng theo hướng xanh, bền vững, kết nối liên vùng; phù hợp với định hướng phát triển các địa phương trong tổng thể vùng; đảm bảo phát triển kinh tế biển hiện đại, hạ tầng đồng bộ và liên kết chặt chẽ giữa các địa phương; thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn và kinh tế đêm.

Xây dựng khu vực ven biển Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh trở thành vùng động lực quốc gia, là trung tâm phát triển công nghiệp của Vùng và của cả nước. Hình thành vùng động lực Bắc Trung bộ gắn với đường cao tốc Bắc- Nam phía Đông, Quốc lộ 1 và đường ven biển, các đô thị trung tâm và các khu kinh tế ven biển. Phát triển vùng động lực Bắc Trung bộ trở thành trung tâm về công nghiệp lọc, hóa dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, công nghiệp ô tô và phụ trợ; thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp mới như điện tử, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp công nghệ số...; đẩy mạnh phát triển các trung tâm du lịch biển gắn với các đô thị ven biển và các dịch vụ cảng, logistics gắn với cảng biển. Hình thành các đô thị logistics cửa khẩu và mạng lưới trung tâm logistics theo trục ven biển (gắn cảng biển/KKT), trong đó Hành lang kinh tế Cầu Treo - Vũng Áng kết nối với các địa phương của nước CHDCND Lào với cảng biển Hà Tĩnh, Quảng Trị; Hành lang kinh tế Lao Bảo – Đông Hà – Đà Nẵng (hành lang kinh tế liên vùng) gắn với hành lang kinh tế Đông – Tây thuộc tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) nhằm kết nối với các địa phương phía nam nước Myanmar, miền trung của Vương quốc Thái Lan và nước CHDCND Lào với các cảng biển miền Trung Việt Nam; trục công nghiệp – đô thị – cảng biển Nghi Sơn – Vũng Áng – Chân Mây trên cơ sở các hành lang kinh tế và cảng biển lớn của vùng Bắc Trung Bộ. Tiếp tục phát triển các cực tăng trưởng, trong đó Thanh Hóa (cực Bắc, trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp nặng, công nghiệp năng lượng, chế biến, chế tạo), Nghệ An – Hà Tĩnh – Quảng Trị (cực trung tâm công nghiệp–logistics – năng lượng), Huế (cực dịch vụ chất lượng cao – đổi mới sáng tạo).

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng, mở rộng không gian phát triển và tạo động lực tăng trưởng mới. Thiết lập bộ chỉ tiêu đánh giá (KPI) cấp vùng, gắn kết quả liên kết vùng với phân bổ đầu tư công

và trách nhiệm người đứng đầu. Hoàn thiện cơ chế, chính sách vượt trội thúc đẩy liên kết kinh tế vùng; xây dựng danh mục dự án liên kết, cơ chế chia sẻ lợi ích – chi phí, đồng bộ hóa quy hoạch và dữ liệu; thí điểm sandbox liên vùng. Kiện toàn và bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng điều phối vùng theo hướng thực quyền; nâng cao năng lực đội ngũ và xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ điều hành phát triển vùng.

4. Xây dựng mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, gắn với hình thành Hành lang kinh tế Bắc - Nam qua địa bàn vùng và các Hành lang kinh tế Đông - Tây. Tập trung hoàn thành cao tốc Bắc – Nam phía Đông, đường ven biển, cao tốc Hà Nội – Yên Bái (đoạn qua Nghệ An), đường sắt tốc độ cao trục Bắc – Nam; nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt Yên Bái (Lào) - Vũng Áng (Việt Nam). Phát triển hệ thống đô thị theo mô hình chuỗi đô thị ven biển, hành lang công nghiệp – logistics, trong đó Cảng Vũng Áng, Sơn Dương (Hà Tĩnh) thành trung tâm logistics quốc gia/khu vực; Hình thành các trung tâm logistic cấp vùng gắn với cảng biển Nghi Sơn, Hòn La, Mỹ Thủy, Chân Mây – Lăng Cô, các cửa khẩu quốc tế và các cảng hàng không, Khu kinh tế Đông Nam (Nghệ An) thành trung tâm logistics vùng. Đô thị Nghi Sơn, Cửa Lò – Đông Hải, Kỳ Anh, Đồng Hới, Đồng Hà, Chân Mây – Lăng Cô giữ vai trò hạt nhân, gắn trực tiếp với khu kinh tế, cảng biển và trung tâm logistics. Phát triển các trung tâm năng lượng quy mô lớn gắn với cảng nước sâu – logistics – KCN ven biển.

5. Tạo đột phá để phát triển khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực phát triển chính; đổi mới tư duy phát triển khoa học và công nghệ theo hướng dẫn dắt tăng trưởng kinh tế, lấy nhu cầu của doanh nghiệp làm trung tâm. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, phát triển hạ tầng số và hạ tầng nghiên cứu – phát triển (R&D), hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao năng lực đổi mới và ứng dụng công nghệ. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù như đặt hàng nghiên cứu, ưu đãi cho hoạt động R&D, phát triển quỹ đổi mới sáng tạo và xây dựng sản phẩm công nghệ cấp vùng, nhằm thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa các kết quả khoa học – công nghệ.

6. Tạo điều kiện để thúc đẩy phát triển các loại hình kinh tế trong đó kinh tế tư nhân là động lực chủ yếu, khuyến khích hình thành doanh nghiệp lớn, đầu đàn dẫn dắt chuỗi cung ứng; phát triển mạnh kinh tế tập thể, hợp tác xã, nhất là trong nông nghiệp và logistic. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường; rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án, nhất là trong các khu công nghiệp, khu kinh tế. Xây dựng cơ chế một cửa liên thông cấp vùng và ưu đãi có điều kiện cho doanh nghiệp có nhiều dự án và/hoặc dự án giáp ranh giữa các tỉnh trong Vùng.

7. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa, con người vùng Bắc Trung Bộ trở thành nền tảng mềm và nguồn lực nội sinh cho phát triển kinh tế gắn với phát triển du lịch biển, đảo, du lịch sinh thái và du lịch văn hóa- lịch sử; đa dạng hóa các loại hình dịch vụ đặc biệt cho các đô thị ven biển. Phát triển kinh tế văn hóa, khai thác hiệu quả giá trị di sản, bản sắc và hệ giá trị con người vùng; đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch văn hóa, kinh tế ban đêm, các sản phẩm văn hóa đặc trưng. Đầu tư thiết chế văn hóa – thể thao, không gian sáng tạo, không gian công cộng mở; ứng dụng công nghệ số trong văn hóa và du lịch. Phát triển Thành phố Huế thành một trung tâm lớn về văn hóa, du lịch, y tế chuyên sâu; khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, chất lượng cao của cả nước và khu vực. Tăng cường công

tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc; ưu tiên đối với các dân tộc rất ít người có nguy cơ mai một các giá trị văn hóa và đồng bào sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

Đổi mới căn bản giáo dục, đào tạo vùng Bắc Trung Bộ theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, gắn chặt với nhu cầu thị trường lao động và chiến lược phát triển kinh tế vùng. Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, nghề nghiệp và đại học; chú trọng kỹ năng số, ngoại ngữ, kỹ luật lao động và năng lực thích ứng. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành trọng điểm phục vụ trực tiếp cho phát triển Vùng; tăng cường liên kết đào tạo – nghiên cứu với các cơ sở trong và ngoài nước. Hoàn thiện cơ chế thu hút, đãi ngộ và giữ chân nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh đầu tư và xã hội hóa cho giáo dục, đào tạo.

Quản lý phát triển xã hội theo hướng bền vững, bao trùm, chủ động kiểm soát các vấn đề xã hội phát sinh trong quá trình đô thị hóa, phát triển khu kinh tế ven biển và sắp xếp đơn vị hành chính; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo đa chiều, không để ai bị bỏ lại phía sau. Chăm lo toàn diện đời sống Nhân dân, gắn tăng trưởng kinh tế với tạo việc làm bền vững, nâng thu nhập; thu hẹp chênh lệch vùng miền; nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, nhà ở và môi trường sống, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong toàn vùng.

8. Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên đất, nước, rừng và biển, chuyển từ khai thác đơn thuần sang quản trị tiết kiệm, tái tạo; siết kỷ luật sử dụng đất, số hóa quản lý đất đai. Đẩy mạnh bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm tại KKT, KCN, đô thị và lưu vực sông; phát triển kinh tế tuần hoàn, khu công nghiệp sinh thái, đô thị xanh; bảo vệ rừng và hệ sinh thái nhạy cảm. Tăng cường bảo vệ rừng phòng hộ/đầu nguồn và các vùng nhạy cảm như Pù Mát, Pù Huống, Pù Hoạt; định hướng phát triển vùng biển, đầm phá Tam Giang – Cầu Hai (Huế) thành Công viên đầm phá quốc gia. thành lập Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tam Giang – Cầu Hai... Chủ động thích ứng biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai theo quy mô vùng, nâng cao dự báo, bảo vệ ven biển, đầm phá; tăng cường hợp tác và huy động nguồn lực cho phát triển xanh Bắc Trung Bộ.

9. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân vững chắc; củng cố khu vực phòng thủ, biên giới và ven biển; nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu, phòng thủ và ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống, thiên tai và thảm họa; gắn phát triển kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, cảng biển và đô thị với yêu cầu bảo đảm quốc phòng – an ninh. Chủ động phòng, chống tội phạm xuyên biên giới, buôn lậu, ma túy, an ninh mạng, bảo vệ an toàn các dự án và hành lang logistics Đông – Tây. Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế, phát huy vai trò cầu nối với Lào, Thái Lan và tiểu vùng Mekong; kết hợp chặt chẽ đối ngoại với quốc phòng – an ninh và phát triển kinh tế vùng.

10. Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vùng Bắc Trung Bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, bảo đảm thống nhất nhận thức và hành động trong triển khai các chủ trương phát triển vùng; đổi mới tư duy lãnh đạo từ quản lý theo địa giới sang quản trị phát triển theo không gian vùng, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện liên kết vùng.

11. Tổ chức thực hiện

- Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, ban đảng Trung ương; Các tỉnh uỷ, thành uỷ trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung Bộ tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch, triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và Kết luận này.

- Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện các luật, pháp lệnh có liên quan; đề xuất các chính sách vượt trội và tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 26 và Kết luận này.

- Đảng uỷ Chính phủ: (i) Ban hành Chương trình hành động triển khai Kết luận; (ii) Ban hành Quy hoạch phát triển vùng Bắc Trung Bộ để định hướng cho các địa phương; (iii) Hoàn thiện cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng theo chủ trương của Đảng tại Đại hội XIV, chuyển từ tư duy phối hợp sang tư duy điều hành thực chất; (iv) Hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách vượt trội và bổ sung nguồn lực để phát triển bền vững Bắc Trung Bộ theo tinh thần của Kết luận; theo dõi, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế..

- Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển vùng Bắc Trung Bộ.

- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kết luận và Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ; đề xuất bổ sung, điều chỉnh chủ trương, giải pháp khi xuất hiện những phát sinh mới trong quá trình triển khai Kết luận.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, ban đảng Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
THƯỜNG TRỰC BAN BÍ THƯ

Trần Cẩm Tú